TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THANH HOÁ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 29/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 18/4/2018
V/v: Ly hôn,T/c nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TP THANH HOÁ - TỈNH THANH HOÁ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà:* Bà Hoàng Thị Nguyệt

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1.Ông Nguyễn Đình Vụ

2.Ông Lê Văn Tân

- ***Thư ký phiên tòa****:* Bà Trần Thị Thu Phương - Thư ký TAND thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa

Đại diện Viện Kiểm Sát nhân dân *thành phố Thanh Hóa* ***tham gia phiên tòa:***

Bà Nguyễn Thị Thanh Bình – Kiểm sát viên.

Ngày18 tháng 4 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố T xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 389/2017/TLST- HNGĐ ngày 26 tháng 12 năm 2017 về tranh chấp "Ly hôn, nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2018/QĐXX-ST ngày 08 tháng 4 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị Thanh M, sinh năm 1990

ĐKHKTT: Thôn B, phường Đ, thành phố T.(Nay là 03/01/395 Nguyễn Tĩnh, phường Đ, thành phố T)

Chỗ ở hiện nay: SN 02/35 Nguyễn Huy Tự, phường N, thành phố T

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1985

Địa chỉ: Thôn B, phường Đ, thành phố T.(Nay là 03/01/395 Nguyễn Tĩnh, phường Đ, thành phố T)

Tại phiên tòa có mặt nguyên đơn, bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 19/10/2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Lê Thị Thanh M trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn H kết hôn với nhau năm 2007 nhưng đến năm 2008 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Đ, thành phố

T, trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được năm năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cãi vã. Mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng nhất từ tháng 7/2012 cho đến nay. Vợ chồng chị sống ly thân từ đó đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay chị M xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài. Đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung là cháu Nguyễn Văn Đ sinh ngày 07/8/2007. Ly hôn chị M có nguyện vọng được nuôi cháu Đ, không yêu cầu anh H cấp dưỡng tiền nuôi con .

Về tài sản công nợ: Chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại lời khai đề ngày 25/01/2018 và trong quá trình xét xử tại phiên tòa bị đơn anh Nguyễn Văn H trình bày:

Về hôn nhân: Anh H thống nhất với trình bày của chị M về thời gian, điều kiện kết hôn; nguyên nhân, thời điểm phát sinh mâu thuẫn, thời gian vợ chồng sống ly thân. Nay chị M làm đơn ly hôn, anh xét thấy tình cảm của chị M đối với anh không còn nên anh đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung là cháu Nguyễn Văn Đ, sinh ngày 07/8/2007. Ly hôn anh H có nguyện vọng được nuôi cháu Đ, không yêu cầu chị M cấp dưỡng tiền nuôi con.

Về tài sản công nợ: Anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa chị M vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, anh H đồng ý ly hôn, về con cái anh H xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Văn Đ và không yêu cầu chị M cấp dưỡng tiền nuôi con.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến :

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử :

Từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm xét xử Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định tại Điều 48 BLTTDS về thẩm quyền, quan hệ tranh chấp cũng như tư cách của những người tham gia tố tụng, các chứng cứ thu thập, thời hạn chuẩn bị xét xử cũng như gửi hồ sơ cho VKS nghiên cứu trong hạn luật định. Tống đạt các văn bản cho VKS cũng như người tham gia tố tụng đầy đủ. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử tại phiên tòa HĐXX đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật TTDS về phiên tòa sơ thẩm, nguyên tắc xét xử, thành phần Hội đồng XX.

Đối với nguyên đơn: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay đã cung cấp các tài liệu chứng cứ và có mặt theo giấy triệu tập, chấp hành các quyết

định của Tòa án, tham gia phiên tòa và thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại điều 70,72 và 234 BLTTDS.

Đối với bị đơn: Đã nhận thông báo thụ lý vụ án, có tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng không ký biên bản phiên họp và phiên hòa giải, tham gia phiên tòa thực hiện các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định tại điều 70,71 và 234 của BLTTDS.

Về nội dung: Về hôn nhân đề nghị HĐXX căn cứ vào Điều 55 Luật HNGĐ chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị M,

Về con cái: Cháu Nguyễn Văn Đ, sinh ngày 07/8/2007 là con chung của chị M và anh H. Ly hôn anh, chị đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Đ. Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ do địa phương cung cấp thì anh H là đối tượng nghiện ma túy, anh Hkhông cung cấp được chứng cứ về công việc và thu nhập của mình, vì vậy giao con cho anh H nuôi con là không thể đảm bảo sự phát triển toàn diện của cháu Đ. Chị M có công ăn việc làm và thu nhập ổn định.Vì vậy đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của chị M, giao cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con chung chị M không yêu cầu anh H cấp dưỡng.

Về tài sản và công nợ : Anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét .

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết qủa tranh tụng Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa nhận định:

[2] Về hôn nhân: Chị Lê Thị Thanh M và anh Nguyễn Văn H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Đ, thành phố T là hôn nhân hợp pháp .

Quá trình vợ chồng chung sống hòa thuận được khoảng thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do trong cuộc sống hay bất đồng và thường xuyên cãi vã nhau, dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn. Hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài. Mặc dù đã được hai bên gia đình khuyên giải nhưng không có kết quả. Từ tháng 7/2012 hai bên đã sống ly thân. Điều này đã được thể hiện qua lời khai của chị M, lời khai anh H và xác nhận của chính quyền địa phương nơi anh chị cư trú (BL: 20,21,22,23). Nay chị M xét thấy tình cảm vợ chồng giữa chị và anh H không còn, nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh H, anh Hcũng đồng ý ly hôn. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào

Điều 55 Luật hôn nhân gia đình công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Lê Thị Thanh M và anh Nguyễn Văn H

[3] Về con chung: Anh chị có 01 con chung là cháu Nguyễn Văn Đ, sinh ngày 07/8/2007. Ly hôn chị M có nguyện vọng được nuôi cháu Đ, không yêu cầu anh H cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Anh H cũng có nguyện vọng nuôi con và không yêu cầu chị M cấp dưỡng tiền nuôi con. Thấy rằng chị M có công ăn việc làm, có thu nhập ổn định, còn anh H công ăn việc làm không ổn định, theo xác minh của chính quyền địa phương thì anh H là đối tượng nghiện ma túy, không có công ăn việc làm, không có thu nhập. Vì vậy để đảm bảo quyền, lợi ích và cuộc sống, cũng như đảm bảo việc học hành của cháu Nguyễn Văn Đ nên giao cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đ là phù hợp. Về tiền cấp dưỡng nuôi con, chị M không yêu cầu anh H cấp dưỡng tiền nuôi con. Xét đây là sự tự nguyện của chị M nên chấp nhận.

[4] *Về tài sản*, công nợ chung: Chị M và anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí*:* Chị M là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm 300.000đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 55,81,82,83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 271; 273 BLTTDS. Điều 6, điểm a khoản 5, điểm đ khoản 6 Điều 27, khoản 1.1 điều 1 phần I, mục A Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án

1.Về hôn nhân*:* Xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Lê Thị Thanh M và anh Nguyễn Văn H

2.Về con: Anh chị có 01 con chung là cháu Nguyễn Văn Đ, sinh ngày 07/8/2007. Giao cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Văn Đ và không yêu cầu anh H cấp dưỡng tiền nuôi con. Anh H có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản, công nợ chung: Chị M và anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí*:* Chị M phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị đã nộp theo biên lai số:A A/2016/0004722 ngày 22/12/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thanh Hóa.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án,tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế

thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. /.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND TP T;
- Chi cục THA DS TP.T;
- UBND phường Đ;
- Lưu hồ sơ.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Hoàng Thị Nguyệt